

Phụ lục 2
DANH MỤC TÀI SẢN MUA BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC, MỞ RỘNG BẢO HIỂM RỦI RO TÀI SẢN (47 Lê Hồng Phong- P. Phan Rang)
(Đính kèm công văn chào giá số / KSBT-TCHC ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Khánh Hòa)

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
1	Cửa cuốn phòng 1 cửa	CUA	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	60.500.000		1	60.500.000					
2	Cụm xử lý nước thải	CXLNT	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	189.300.000		1	189.300.000					
3	Hệ thống camera 8 đầu ghi Keeper	CAMERA	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	21.384.000		1	21.384.000					
4	Laptop Asus	LAP	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	12.650.000		1	12.650.000					
5	Máy ảnh KTS	MA	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	10.990.000		1	10.990.000					
6	Máy Casete AIWA bộ 2 loa, nguồn vốn: ngân sách	MCS2L	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	11.500.000		1	11.500.000					
7	Máy chiếu Aus	MC01	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	37.200.000		1	37.200.000					
8	Máy chiếu Panasonic	MC02	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	35.000.000		1	35.000.000					
9	Máy chiếu Panasonic	MC1	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	13.750.000		1	13.750.000					
10	Máy chiếu PannasonicnPT-LW362A	MC04	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	25.000.000		1	25.000.000					
11	Máy chiếu Sony VPL - CX76	MC03	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	27.195.445		1	27.195.445					
12	Máy chủ Sever	MC	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	65.350.000		1	65.350.000					
13	Máy lạnh 9000 BTU Retech	ML2	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	12.078.000		1	12.078.000					
14	Máy lạnh Samsung 2HP, nguồn vốn: Dự án OxRu	MLSR	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	19.490.000		1	19.490.000					
15	Máy nước nóng lạnh	MNN	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	13.266.000		1	13.266.000					
16	Máy phát điện dự trữ 50KW, Hãng sx: VISA S.p.A, Model: JD 65 GO, xuất xứ: Ý (Ban quản lý dự án hỗ trợ phát triển hệ thống Y tế dự phòng)	MPDDT	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	498.712.183		1	498.712.183					
17	Máy Photocopy Canon IR 2525	PHOTO	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	52.250.000		1	52.250.000					
18	Máy Photocopy Canon/Image RUNNER ADVANCE DX 6855i	PHOTO1	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	73.480.000	58.784.000	1	73.480.000	58.784.000				
19	Máy photocopy KONICA MINOLTA	MPT2	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	74.800.000		1	74.800.000					
20	Máy photocopy KONICA MINOLTA BIZHUB	MPT1	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	38.340.000		1	38.340.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCD	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
21	Máy Photocopy Rich Aficio	MPT	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	35.000.000		1	35.000.000					
22	Máy photocopy TOSHIBA	MPT03	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	23.012.000		1	23.012.000					
23	Máy photocopy Toshiba, nguồn vốn: ngân sách	MPTSR1	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	20.400.000		1	20.400.000					
24	Máy tính xách tay (Laptop) - G009KC84 Operating System: Windows 10 Pro 64bit (10.0, Build 19044) System Manufacturer: Dell Inc Processor: 11th Gen Intel® core™ i3-1115G4 @ 3,00 GHz(4CPU), 2.2GHz - Nguồn Viettel hỗ trợ covid-19	MVTXT-VT	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	14.000.000		1	14.000.000					
25	Máy tính xách tay HP	MVTXT06	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	18.700.000		1	18.700.000					
26	Máy vi tính (Màn hình HP + CPU + Loa)	MVT25	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	16.922.500		1	16.922.500					
27	Máy vi tính CMS VietSonic, nguồn vốn: ngân sách	MVTSR2	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	11.990.000		1	11.990.000					
28	Máy vi tính CMS VietSonic, nguồn vốn: ngân sách	MVTSR3	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	11.990.000		1	11.990.000					
29	Máy vi tính Core i3 3220 (Màn hình LG + CPU Master)	MVT22	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	11.200.000		1	11.200.000					
30	Máy vi tính HP Pavilion A1340, nguồn vốn: Dự án Việt Bỉ	MVTSR1	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	14.850.000		1	14.850.000					
31	Máy vi tính xách tay Dell, nguồn vốn: Dự án OxRu	MVTXTSR1	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	16.900.000		1	16.900.000					
32	Máy vi tính xách tay HP compaq	MVTXT03	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	20.850.000		1	20.850.000					
33	Máy vi tính xách tay HP Compaq BU 6520S	MVTXT04	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	16.600.000		1	16.600.000					
34	Máy vi tính xách tay Lenovo	MVTXT	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	30.050.000		1	30.050.000					
35	Máy vi tính xách tay Sony Vaio	MVTXT02	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	11.390.000		1	11.390.000					
36	Máy vi tính xách tay Sony vaio	MVTXT5	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	32.235.000		1	32.235.000					
37	Máy vi tính xách tay Vaio	MVTXT05	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	21.369.600		1	21.369.600					
38	Máy vi tính để bàn Màn hình PHILIPS; CPU Intel(R) Core(TM) i5-8400 CPU @ 2.80GHz, Ram 8.00 GB - Nguồn Ngân hàng BIDV hỗ trợ Covid-19	MVT-BIDV-00	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	14.375.000		1	14.375.000					
39	Máy vi tính để bàn Màn hình PHILIPS; CPU Intel(R) Core(TM) i5-8400 CPU @ 2.80GHz, Ram 8.00 GB - Nguồn Ngân hàng BIDV hỗ trợ Covid-19	MVT-BIDV-01	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	14.375.000		1	14.375.000					
40	Nhà làm việc cơ sở 1 (47 Lê Hồng Phong - Phường Phan Rang - tỉnh Khánh Hòa)	NLV	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	3.740.823.574	2.468.943.567	1	3.740.823.574	2.468.943.567				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
41	Nhà làm việc cơ sở 1 (47 Lê Hồng Phong - Phường Phan Rang - tỉnh Khánh Hòa)	NLV2	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	17.425.109.983	14.637.092.383	1	17.425.109.983	14.637.092.383				
42	Nhà làm việc cơ sở 1 (GS+XDCB) 2.500.000+107.893.000 (47 Lê Hồng Phong - Phường Phan Rang - tỉnh Khánh Hòa)	NLV3	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	110.393.000	92.730.120	1	110.393.000	92.730.120				
43	NLV Cs1 (CPQLDA đầu tư XDCT đợt 10: 8.748.655đ, CPGS XL gói 19,20: 7.196.189đ, CPGS xây lắp gói 13, 14: 1.264.086đ, CPTĐ HSMT và KQ LCNT gói 19, 20: 738.658đ, CP lập HSYC và PT HSDXX gói thầu QLDA (47 LH.Phong - Phường PR- tỉnh KH)	NLV4	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	102.700.278	90.376.242	1	102.700.278	90.376.242				
44	Ôn áp cơ sở 1 100KVA	OA	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	93.295.821		1	93.295.821					
45	Phần mềm dịch vụ	PMDV	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	65.000.000		1	65.000.000					
46	Thửa số: 107, 47 Lê Hồng Phong - Phường Mỹ Hương - Tp. PRTC, Diện tích: 1046,5m2 x 9.000.000 đồng/m2 x 1,1 x 60%	đất LHP 107	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	8.476.650.000	8.476.650.000	1	8.476.650.000	8.476.650.000				
47	Thửa số: 108, 47 Lê Hồng Phong - Phường Mỹ Hương - Tp. PRTC, Diện tích: 629m2 x 9.000.000 đồng/m2 x 1,1 x 60%	đất LHP 108	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	5.094.900.000	5.094.900.000	1	5.094.900.000	5.094.900.000				
48	Tường rào	TR	Phòng Tổ chức - Hành chính - 47 Lê Hồng Phong	1	36.820.000		1	36.820.000					
49	Máy tính xách tay Notebook Thinkpad T14s Gen3 Core I5 - Model: Máy tính xách tay Notebook Thinkpad T14s Gen3 Core i5-1235U, 16GB, 512GB SSD, Intel Iris Xe Graphics, 14"" WUXGA IPS Touch, 4C 57WWh, ax+BT, FB, USB-C to RJ45 Adpt., WWAN, W11P 64, Đen (Villi Black), 3Y WTY_21BRSODJ00 - Nhà sản xuất: Lenovo - Nước sản xuất: China - Xuất xứ : China - Năm sản xuất: 2022 - Chất lượng: Mới 100%	MTXT202 2-02	Phòng KHNH - 47 Lê Hồng Phong	1	34.178.000	6.835.600	1	34.178.000	6.835.600				
50	Máy vi tính (Màn hình ACER + CPU + Loa)	MVT6	Phòng KHNH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.708.182		1	14.708.182					
51	Máy vi tính (Màn hình HP + CPU sam sung)	MVT12	Phòng TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.115.000		1	19.115.000					
52	Máy vi tính (Màn hình HP + CPU)	MVT11	Phòng KHNH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.655.000		1	14.655.000					
53	Máy vi tính (Màn hình Sam Sung + CPU Dylan + Loa)	MVT15	Phòng KHNH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.380.000		1	10.380.000					
54	Máy vi tính Core i3 (Màn hình LG + CPU)	MVT13	Phòng KHNH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.200.000		1	11.200.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
55	Máy vi tính để bàn Nhân hiệu: FPT Elead T1050is Xuất xứ: Việt Nam, nguồn kinh phí Quỹ hoạt động sự nghiệp	MVT0220 21	Phòng TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	13.711.500		1	13.711.500					
56	Máy vi tính để bàn Màn hình PHILIPS; CPU Intel(R) Core(TM) i5-8400 CPU @ 2.80GHz, Ram 8.00 GB - Nguồn Ngân hàng BIDV hỗ trợ Covid-19	MVT-BIDV-02	Phòng TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.375.000		1	14.375.000					
57	Máy vi tính để bàn Màn hình PHILIPS; CPU Intel(R) Core(TM) i5-8400 CPU @ 2.80GHz, Ram 8.00 GB - Nguồn Ngân hàng BIDV hỗ trợ Covid-19	MVT-BIDV-03	Phòng TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.375.000		1	14.375.000					
58	Phần mềm kế toán HCSN MISA 2019, nguồn NS, KP không tự chủ	PMKTMIS A	Phòng TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.000.000		1	10.000.000					
59	Phần mềm quản lý tài sản	PMQLTS	Phòng TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.900.000		1	10.900.000					
60	Phần mềm quản lý tài sản	PMQLTS1	Phòng TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.900.000		1	10.900.000					
61	Phần mềm quản lý tài sản	PMQLTS2	Phòng - TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.900.000		1	10.900.000					
62	Tủ hồ sơ liên kết MCF2	TU	Phòng TCKT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.250.000		1	19.250.000					
63	Bộ bàn ghế tiếp khách	BBGTK	Phòng Giám Đốc (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.800.000		1						
64	Máy tính xách tay (Laptop) HP Pavilion 15 eg0540TU i5 , Ram 8gb	MTXT - BIDV	Phòng Giám Đốc (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.500.000		1						
65	Máy vi tính xách tay + máy in	MVXT01	Phòng Giám Đốc (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	36.511.000		1						
66	Bộ bàn ghế tiếp khách	BBGTK01	Phòng ban: Phòng Giám Đốc Vinh (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.800.000		1	19.800.000					
67	Máy lạnh	ML05	Phòng ban: Phòng Giám Đốc Vinh (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.078.000		1	12.078.000					
68	Máy quay phim Panasonic HDR - HC9E	MQP03	Phòng ban: Phòng Giám Đốc Vinh (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	22.990.000		1	22.990.000					
69	Máy tính xách tay Acer Laptop - S9LELIKAT Aspire A315-56 Bộ xử lý: Intel® Core(TM) 13-1005G1 CPL 120GHz 119GHz ID thiết bị RAM 4,00GB (có thể sử dụng 3,79GB) ABB2CADD-510A 4907 A946-EADBC56890 ID sản phẩm 00327-36282-21216-AACEM Loại hệ thống Synte điều hành 64-bit - Mobifone hỗ trợ Covid-19	MVT-MB 01	Phòng ban: Phòng Giám Đốc Vinh (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.000.000		1	11.000.000					
70	Máy vi tính xách tay (Model: Macbook Air 11.6 MD 711, hãng sx: Apple/Mỹ)	MVXT07	Phòng ban: Phòng Giám Đốc Vinh (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	24.000.000		1	24.000.000					
71	Máy bộ đàm (10 cái bộ đàm + 1 thu tín hiệu)	MBD	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	17.462.500		1	17.462.500					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
72	Máy tính PC Core i5-4570 3.20GHz Mainboard Aus H81M-K CPU Intel Core i5-4570 DDRam3 Kingmax - 8GB Đĩa cứng SSD WS500GB Case SP Nguồn 500W Fan lớn Keyboard Logitech USB Màn hình HP V19 18.5 inch Cài đặt Windows 10 Máy tính PC Core i5-4570 3.20GHz Mainboard Aus H81M-K CPU Intel Core i5-4570 DDRam3 Kingmax - 8GB Đĩa cứng SSD WS500GB Case SP Nguồn 500W Fan lớn Keyboard Logitech USB Màn hình HP V19 18.5 inch Cài đặt Windows 10Pro Microsoft Office 2016 - Nguồn Ngân hàng Vietcombank hỗ trợ Covid-19	MVT-VCB-01	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.880.000		1	11.880.000					
73	Máy tính xách tay Acer Laptop - S9LELIKAT Aspire A315-56 Bộ xử lý: Intel® Core(TM) i3-1005G1 CPL 120GHz 119GHz ID thiết bị RAM 4,00GB (có thể sử dụng 3,79GB) ABB2CADD-510A 4907 A946-EADBC56890 ID sản phẩm 00327-36282-21216-AACEM Loại hệ thống Synte điều hành 64-bit - Mobifone hỗ trợ Covid-19	MVT-MB00	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.000.000		1	11.000.000					
74	Máy tính xách tay Notebook Thinkpad T14s Gen3 Core i5 - Model: Máy tính xách tay Notebook Thinkpad T14s Gen3 Core i5-1235U, 16GB, 512GB SSD, Intel Iris Xe Graphics, 14"" WUXGA IPS Touch, 4C 57WWh, ax+BT, FB, USB-C to RJ45 Adpt., WWAN, W11P 64, Đen (Villi Black), 3Y WTY_21BRSODJ00 - Nhà sản xuất: Lenovo - Nước sản xuất: China - Xuất xứ : China - Năm sản xuất: 2022 - Chất lượng: Mới 100%	MTXT202-00	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	34.178.000	6.835.600	1	34.178.000	6.835.600				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
75	Máy tính xách tay Notebook Thinkpad T14s Gen3 Core I5 - Model: Máy tính xách tay Notebook Thinkpad T14s Gen3 Core i5-1235U, 16GB, 512GB SSD, Intel Iris Xe Graphics, 14"" WUXGA IPS Touch, 4C 57WWh, ax+BT, FB, USB-C to RJ45 Adpt., WWAN, W11P 64, Đen (Villi Black), 3Y WTY_21BRSDJ00 - Nhà sản xuất: Lenovo - Nước sản xuất: China - Xuất xứ : China - Năm sản xuất: 2022 - Chất lượng: Mới 100%	MTXT202-01	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	34.178.000	6.835.600	1	34.178.000	6.835.600				
76	Máy vi tính (màn hình HP + CPU sam sung)	MVT1	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.115.000		1	19.115.000					
77	Máy vi tính (Màn hình LG + CPU + Loa)	MVT2	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.655.000		1	14.655.000					
78	Máy vi tính (Màn hình LG + CPU zip)	MVT14	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.300.000		1	14.300.000					
79	Máy vi tính (Màn hình sam sum + CPU Master)	MVT	Khoa bệnh Truyền Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.537.000		1	14.537.000					
80	Máy lạnh	ML7	Phòng P. Giám Đốc (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.078.000		1	12.078.000					
81	Máy vi tính Dell Optiplex GX520 (Màn hình + CPU)	MVT21	Phòng P. Giám Đốc (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	21.171.000		1	21.171.000					
82	Máy ảnh Canon DS 126281	MA10	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	10.990.000		1	10.990.000					
83	Máy ảnh Canon DS126281	MA01	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	29.342.800		1	29.342.800					
84	Máy ảnh Canon DS126281	MA03	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	30.800.000		1	30.800.000					
85	Máy ảnh Canon Powershot A640	MA06	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	10.990.000		1	10.990.000					
86	Máy ảnh Canon Powershot S3IS	MA07	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	10.990.000		1	10.990.000					
87	Máy ảnh KTS Canon EOS 500D	MA02	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	14.627.272		1	14.627.272					
88	Máy ảnh Nikon 2001	MA05	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	10.990.000		1	10.990.000					
89	Máy ảnh Olympus	MA04	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	10.990.000		1	10.990.000					
90	Máy ảnh Sam Sung ST 2000F	MA09	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	10.990.000		1	10.990.000					
91	Máy ảnh Sony DSC - RX 1000	MA08	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	10.990.000		1	10.990.000					
92	Máy chiếu Panasonic	MC05	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	33.310.000		1	33.310.000					
93	Máy chiếu Panasonic	MC06	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	33.310.000		1	33.310.000					
94	Máy dựng phim (màn hình + CPU)	MDP	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	156.800.000		1	156.800.000					
95	Máy dựng phim (Màn hình + CPU)	MDP01	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	156.800.000		1	156.800.000					
96	Máy quay phim Mistek DV 3000	MQP02	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	22.990.000		1	22.990.000					
97	Máy quay phim Panasonic NV - MV 9000	MQP01	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	22.990.000		1	22.990.000					
98	Máy quay phim Sony + chân	MQP	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	114.389.481		1	114.389.481					
99	Máy vi tính (Màn hình Dell + CPU)	MVT24	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	15.444.000		1	15.444.000					
100	Máy vi tính để bàn Nhân hiệu: FPT Elead T1050is Xuất xứ: Việt Nam, nguồn kinh phí Quỹ hoạt động sự nghiệp	MVT012021	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	13.711.500		1	13.711.500					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
101	Máy vi tính để bàn (Màn hình HP + CPU + Loa)	MVT23	Khoa Truyền Thông Giáo Dục Sức Khỏe (Cs2)	1	16.950.000		1	16.950.000					
102	Bom định liều + giá đỡ	BDL+GD	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	15.850.000		1	15.850.000					
103	Bom định liều + giá đỡ: Xuất xứ Việt Nam, Model: CALIBREX 520, hãng sx: SOCOREX, xuất xứ: Thụy Sĩ, Mã hàng (Cat. No.): 52.005 (CTMT HIV/AIDS-2018)	BDL+GD-18	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	15.840.000		1	15.840.000					
104	Hệ thống camera heo dôi (1 đầu thu + 8 camera)	CRR	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	24.294.600		1	24.294.600					
105	Hệ thống kiểm soát + chấm công bằng vân tay từ thẻ	HTKSVT	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	21.780.000		1	21.780.000					
106	Máy hút âm 12C ED - 12B	HA	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	12.840.000		1	12.840.000					
107	Máy in thẻ một mặt tự động	MITMMT D	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	49.603.400		1	49.603.400					
108	Máy in thẻ, Model: CS-200e, Hãng sản xuất: Netum Electronic, Xuất xứ: Đài Loan. nguồn CTMT y tế dân số	MIT1	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	40.824.300	6.804.050	1	40.824.300	6.804.050				
109	Máy lạnh 9000 BTU Retech	ML3	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	12.078.000		1	12.078.000					
110	Máy lạnh 9000 BTU Retech	ML4	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	12.078.000		1	12.078.000					
111	Máy vi tính (Màn hình Dell + CPU + Loa)	MVT10	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	15.444.000		1	15.444.000					
112	Máy vi tính (Màn hình Dell + CPU)	MVT5	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	14.000.000		1	14.000.000					
113	Máy vi tính (Màn hình Sam sung + CPU + Loa)	MVT3	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	14.000.000		1	14.000.000					
114	Máy vi tính (Màn hình Sam sung + CPU + Loa)	MVT7	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	14.000.000		1	14.000.000					
115	Máy vi tính (Màn hình Sam sung + CPU)	MVT8	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	14.000.000		1	14.000.000					
116	Máy vi tính (Màn hình Sam sung + CPU)	MVT9	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	14.000.000		1	14.000.000					
117	Máy vi tính để bàn Robo: PRO 34A701 (Nguồn CTMT HIV - 2020)	MVTB2	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	10.593.000		1	10.593.000					
118	Máy vi tính để bàn Robo: PRO 34A701 (Nguồn CTMT HIV - 2020)	MVTB3	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	10.593.000		1	10.593.000					
119	Tivi LCD 32 inches Shapr	TV	Khoa Phòng, chống HIV/AIDS, 47 Lê Hồng Phong	1	11.390.000		1	11.390.000					
120	Máy vi tính (Màn hình Dell + CPU AUS)	MVT17	Khoa Bệnh Không Lây Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.000.000		1	11.000.000					
121	Máy vi tính (Màn hình HP + CPU FPT ELEAD + Loa)	MVT18	Khoa Bệnh Không Lây Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.655.000		1	14.655.000					
122	Máy vi tính (Màn hình LG + CPU)	MVT16	Khoa Bệnh Không Lây Nhiễm (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.300.000		1	14.300.000					
123	Máy vi tính Core i3 3220 (màn hình LG + CPU Mastr)	MVT20	Khoa Sức Khỏe Môi Trường (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.200.000		1	11.200.000					
124	Máy vi tính Dell Optiplex 755 (màn hình HP + CPU Sam Sung)	MVT19	Khoa Sức Khỏe Môi Trường (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.115.000		1	19.115.000					
125	Bê cách thủy 2 vị trí (Model: HH-S2, hãng sx: Keda - Trung Quốc)	BCT	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.000.000		1	10.000.000					
126	Bê điều nhiệt tuần hoàn lạnh	BDNTHL	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	198.000.000		1	198.000.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
127	Bộ bàn ghế xét nghiệm	BBGXN	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	82.300.000		1	82.300.000					
128	Bộ chưng cất đậm S2 Behr	BCCD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	451.000.000		1	451.000.000					
129	Bộ lấy mẫu nước, chất lỏng	BLMNCL	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.984.510		1	16.984.510					
130	Bộ lọc chân không kèm theo giá	MPTNT1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	101.876.556		1	101.876.556					
131	Bộ Micropipette cơ học 1 kênh thay đổi thể tích (Model: Reseach plus, hãng sx: Eppendorf Đức)	BMCRRP	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	95.000.000		1	95.000.000					
132	Bộ Micropipette cơ học 1 kênh không thay đổi thể tích (Model: Reseach plus, hãng sx: Eppendorf Đức)	BMCRRP01	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	18.000.000		1	18.000.000					
133	Bộ tiêm mẫu máy sắc ký model 7890B	BTMMSK	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	281.655.000		1	281.655.000					
134	BOD	BOD1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	123.158.170		1	123.158.170					
135	Bơm hút chân không (N9920 AP.29.18 - KNF)	BHCK	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	100.000.000		1	100.000.000					
136	Buồng soi UV (Bàn soi sắc ký bán mỏng)	BSUV	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	46.970.000		1	46.970.000					
137	Cân kỹ thuật	CKT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.742.829		1	16.742.829					
138	Cân kỹ thuật	CKT1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.742.829		1	16.742.829					
139	Cân phân tích	CPT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	31.550.561		1	31.550.561					
140	Cân phân tích	CPT1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	18.000.000		1	18.000.000					
141	Cân phân tích (PA214-OHAUS)	CPT2	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	30.000.000		1	30.000.000					
142	Chén nung chịu nhiệt Platin	CNCN	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	108.000.000		1	108.000.000					
143	COD	COD1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	62.968.551		1	62.968.551					
144	Dàn Elisa (Máy vi tính + Máy in Canon + Máy rửa Biotek ELX 50 + Máy ủ ELMI + Máy đọc ELX 808)	DELISA01	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	154.770.000		1	154.770.000					
145	Dàn Elisa (Máy vi tính + Máy in HP Laze P1102 + Máy ủ Biorad + Máy đọc Biorad iMark + Máy in Canon)	DELISA	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	366.630.000		1	366.630.000					
146	Dàn máy ELISA	DMELSA	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	298.350.000		1	298.350.000					
147	Dụng cụ hút maauc định lượng có cần gạt (2,5 - 25ml)	DCHMDL CCG4	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.000.000		1	19.000.000					
148	Dụng cụ hút maauc định lượng có cần gạt (2,5 - 25ml)	DCHMDL CCG5	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.000.000		1	19.000.000					
149	Dụng cụ hút mẫu định lượng có cần gạt (0,5 - 5ml)	DCHMDL CCG	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.000.000		1	15.000.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
150	Dụng cụ hút mẫu định lượng có cần gạt (0,5 - 5ml)	DCHMDL CCG1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.000.000		1	15.000.000					
151	Dụng cụ hút mẫu định lượng có cần gạt (1 - 10ml)	DCHMDL CCG2	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.000.000		1	16.000.000					
152	Dụng cụ hút mẫu định lượng có cần gạt (1 - 10ml)	DCHMDL CCG3	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.000.000		1	16.000.000					
153	Dụng cụ hút mẫu định lượng mức cổ định 5ml	DCHMDL DMCD2	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.000.000		1	15.000.000					
154	Dụng cụ hút mẫu định lượng mức cổ định 5ml	DCHMDL DMCD3	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.000.000		1	15.000.000					
155	Dụng cụ hút mẫu định lượng định mức cổ định 10ml	DCHMDL DMCD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.000.000		1	15.000.000					
156	Dụng cụ hút mẫu định lượng định mức cổ định 10ml	DCHMDL DMCD1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.000.000		1	15.000.000					
157	Dụng cụ lấy mẫu không khí SL - 30N SIBATA	DCLMKK	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	80.484.222		1	80.484.222					
158	Hệ thống kjeldahl bán tự động	HTKDBT D	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	82.133.038		1	82.133.038					
159	HỆ THỐNG MÁY LY TÂM ĐA NĂNG, - Model: Z306 (Bao gồm Roto và giá giữ ống nghiệm), - Hãng sản xuất: Hermle - Đức, - Xuất xứ: Đức, Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Trung Nam	HTLTND	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	136.700.000	57.414.000	1	136.700.000	57.414.000				
160	HỆ THỐNG MÁY PCR REALTIME (5 KÊNH MÀU, THỂ TÍCH 0,1ML), - Model: 7500 fast DX, - Hãng sản xuất: Applied Biosystems/Life Technologies/ Thermo Fisher Scientific - Mỹ, - Nước sản xuất: Singapore, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam tài trợ	HTMRT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	1.000.000.000	420.000.000	1	1.000.000.000	420.000.000				
161	Hệ thống máy sắc ký ion (01 hệ thống) - Mỹ	HTMSKI	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	3.579.609.047	75.043.617	1	3.579.609.047	75.043.617				
162	Hệ thống máy sắc ký khí GC	HTMSKK	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	1.769.000.000		1	1.769.000.000					
163	Hệ thống quang phổ nguyên tử (phát xạ ICP - OES)	HTQPNT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	5.644.551.372		1	5.644.551.372					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
164	HỆ THỐNG REAL-TIME PCR - Model: AriaDX - Hãng sản xuất: Agilent - Nước sản xuất: Malaysia Cung cấp gồm: + Màn hình máy tính Dell 19.5 inch (E2016HV) + Máy tính đồng bộ Dell Optiplex 3080 SFF + UPS INVT HT1102s hoặc UPS INVT HT1103s + Bộ Kit xét nghiệm Covid - 19 do Việt Á sản xuất đã được cấp phép lưu hành BYT (LightPower iva SARS-CoV-2 1st RT-rPCR Kit): 480 test - SN + MY 21275360 + ROX: MY21140546 + HEX: MY2116D748 + FAM: MY2104B054 ", Tập đoàn Vingroup hỗ trợ phòng chống dịch COVID-19	HTRT0392021	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	1.050.000.000	441.000.000	1	1.050.000.000	441.000.000				
165			Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1			1						
166	Hệ thống Realtime PCR	HTRT	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	2.749.808.167		1	2.749.808.167					
167	HỆ THỐNG TÁCH CHIẾC TINH SẠCH DNA/RNA TỰ ĐỘNG - Model: MAELSTROM 9600 - Hãng sản xuất: TANBEAD - Nước sản xuất: Đài Loan Cung cấp gồm: + Hóa chất vận hành máy ban đầu: 480 test., Tập đoàn Vingroup hỗ trợ phòng, chống dịch COVID-19	HTTCTD	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	1.540.000.000	646.800.000	1	1.540.000.000	646.800.000				
168	Hệ thống định dạng vi sinh và kháng sinh đồ tự động (01 hệ thống) - Mỹ	HTĐVSV KSDTD	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	3.613.370.000	16.788.000	1	3.613.370.000	16.788.000				
169	Hộp giữ lạnh RCW25	HGL2	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.583.176		1	12.583.176					
170	Kính hiển vi 2 mắt	KHV2	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	55.000.000		1	55.000.000					
171	Kính hiển vi 2 mắt (Model: CXR2, hiệu: Labomed, Nước sx: Mỹ)	KHVHM	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	18.700.000		1	18.700.000					
172	Kính hiển vi 2 mắt - Seri: 3G82823	KHV2025.01	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	36.780.744	32.183.151	1	36.780.744	32.183.151				
173	Kính hiển vi 2 mắt Model: CX23LED RFS1 Hãng SX: Olympus Xuất xứ: Trung Quốc - Dự án Rai 3E	KHV-2022-1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	31.962.180	17.046.496	1	31.962.180	17.046.496				
174	Kính hiển vi 2 mắt Model: CX23LED RFS1 Hãng SX: Olympus Xuất xứ: Trung Quốc - Dự án Rai 3E	KHV-2022-2	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	31.962.180	17.046.496	1	31.962.180	17.046.496				
175	Kính hiển vi có camera KTS 3 thị kính + 1 Laptop	KHV1.	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	270.637.000		1	270.637.000					
176	Kính hiển vi OlymPus 2 mắt, nguồn vốn: TW cấp hiện vật	KHVS R3	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	22.507.875		1	22.507.875					
177	Kính hiển vi thường - 2 mắt (E200)	KHVT	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	43.836.331		1	43.836.331					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
178	Máy cất nước 1 lần Aquatron	MCNML	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	62.645.189		1	62.645.189					
179	Máy chung cất nước hai lần	MCCNHL	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	250.000.000		1	250.000.000					
180	Máy clover A1C	MCV	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	148.000.000		1	148.000.000					
181	Máy hút ẩm EDISON	MHA	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.840.000		1	12.840.000					
182	Máy hút hơi khí độc	MHHKD	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	99.000.000		1	99.000.000					
183	Máy huyết học auto ABX ES (kèm máy in)	MHH	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	245.600.000		1	245.600.000					
184	Máy khuấy từ + Cốc từ (CB162 - BIBBY SCIENTIFIC STUART)	MKT+CT	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	21.000.000		1	21.000.000					
185	Máy khuấy từ gia nhiệt	MKTGN	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	30.640.700		1	30.640.700					
186	Máy khuấy từ gia nhiệt	MKTGN1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	30.640.700		1	30.640.700					
187	Máy khuấy từ không gia nhiệt	MKTGKN	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	30.640.700		1	30.640.700					
188	Máy kiểm tra chất lượng nước	MKTCLN	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	23.335.485		1	23.335.485					
189	Máy lắc ngang (3006 - GFL)	MLN2	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	65.000.000		1	65.000.000					
190	Máy lắc ngang (3006-GFL)	MLN	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	65.000.000		1	65.000.000					
191	Máy lắc ngang (SSL2/Stuart/Bibb Scientific)	MLN1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	78.100.000		1	78.100.000					
192	Máy lạnh	ML8	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.500.000		1	10.500.000					
193	Máy lạnh 9000 BTU Retech	ML06	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.078.000		1	12.078.000					
194	Máy lạnh 9000 BTU Retech	ML1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.078.000		1	12.078.000					
195	Máy ly tâm	MLT2	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	41.500.000		1	41.500.000					
196	Máy ly tâm (EBA21)	MLT1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	181.042.332		1	181.042.332					
197	Máy ly tâm 8 ống	MLT	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	26.000.000		1	26.000.000					
198	Máy ly tâm Hettich Rotoix 32A - Đức	MLT6	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	88.000.000		1	88.000.000					
199	Máy ly tâm lạnh	MLT3	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	233.076.905		1	233.076.905					
200	Máy ly tâm lạnh	MLT4	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	249.700.000		1	249.700.000					
201	Máy ly tâm lạnh, hãng sx: Hermle Labortechnik GmbH, xuất xứ: Đức, model: Z366K (nguồn KP: covid-19 tỉnh ủy cấp))	MLTL	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	274.890.000	82.467.000	1	274.890.000	82.467.000				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
202	Máy ly tâm máu (Model: Rotofix 32A, hãng sx: Hettich, Đức)	MLTM	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	280.000.000		1	280.000.000					
203	Máy ly tâm spindown, Model: myFuge, Hãng sản xuất: Benchmark - Mỹ, Xuất xứ: Hàn Quốc, * Cung cấp bao gồm: + Máy ly tâm spindown, + Rotor góc 12 ống 1,5ml/2ml và ống PCR 0,2ml, nguồn KP: từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	MLT12520 21	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	17.105.000	7.184.100	1	17.105.000	7.184.100				
204	Máy ly tâm (Model: EBA-20, hãng SX: Hettich-Đức)	MLT5	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	27.452.381		1	27.452.381					
205	Máy ly trích mẫu tự động, hãng sx: Promega - Mỹ, xuất xứ: Hàn Quốc, model: Maxwell RSC System (AS4500) nguồn KP: covid-19 tình ủy cấp	MLTMTD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	1.430.000.000	429.000.000	1	1.430.000.000	429.000.000				
206	Máy miễn dịch tự động	MMDTD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	756.000.000		1	756.000.000					
207	MÁY NƯỚC TIÊU	MNT1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	28.350.000		1	28.350.000					
208	Máy pha chế môi trường nuôi cấy (Dose it P910)	MPCMTN C	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	88.343.625		1	88.343.625					
209	Máy phân tích nước tiểu	MPTNT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	283.500.000		1	283.500.000					
210	Máy phát hiện hơi khí độc Multilog	MPHHKD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	27.500.000		1	27.500.000					
211	Máy phát hiện nhanh khí độc (MX6/INDUSTRIAL SCIENTIFIC)	MPHNKD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	195.800.000		1	195.800.000					
212	Máy Realtime PCR - Model: abCyclerQ - Hãng CSH: AITBiotech/ Singgapore - Hãng sx: AITBiotech - Nước sx: Singgapore - X. xứ (máy chính): Singgapore - Năm sx: 2021 - Chất lượng: Mới 100% T. đó mỗi máy bao gồm: 1. Máy tính điều khiển, cài đặt phần mềm điều khiển và phân tích. Máy tính xách tay: - Model: 15s-fq2558TU 46M26PA - Hãng sx: HP 2. Máy in phun màu - Model: L805 - Hãng sx: Epson 3. Bộ lưu điện UPS online lớn hơn hoặc bằng 2KVA - Model: C2K - H.sx Santak - Xuất xứ: Trung Quốc	MRT2022	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	894.000.000	459.771.426	1	894.000.000	459.771.426				
213			Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1			1						
214	Máy sinh hóa bán tự động	MSHBDT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	145.970.000		1	145.970.000					
215	Máy sinh hóa tự động Human Gmbh Hinmlyzer Ptimus	MSHTD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	680.000.000		1	680.000.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
216	MAY TÁCH CHIẾC TÍNH SẠCH ADN/ARN VÀ PROTEIN - Hãng sản xuất: Thermo Fisher Scientific - Mỹ - Xuất xứ: Singapore - Model: KingFisher, nguồn kinh phí Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Thuận	MTCTS	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	1.785.700.000	749.994.000	1	1.785.700.000	749.994.000				
217	Máy tách chiết tự động - Model: KingFisher Flex - Hãng chủ sở hữu: Thermo Fisher Scientific, Inc/USA - Hãng sản xuất: Life Technologies Holdings Pte Ltd/Singapore - Nước sản xuất: Singapore - Xuất xứ (máy chính): Singapore - Năm sản xuất: 2021 - Chất lượng: Mới 100%	MTCTD2022	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	1.668.545.454	889.890.908	1	1.668.545.454	889.890.908				
218	Máy thử nước tiểu U120, hiệu: Acon, xuất xứ: Trung Quốc, Nguồn KP: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	MTNT1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.800.000	2.800.000	1	16.800.000	2.800.000				
219	Máy trộn mẫu (BR 2000)	MTM	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.735.428		1	10.735.428					
220	Máy ủ Elisa	MU	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	92.307.346		1	92.307.346					
221	Máy ủ nhiệt độ khô (2 khuôn Model: myBlock, hãng sản xuất: Benchmark - Mỹ, Xuất xứ: Trung Quốc, Cung cấp bao gồm: -Máy ủ nhiệt khô; - 02 khuôn đa năng cho ống 0.2 ml đến 2 ml, dài ống PCR hoặc đĩa 96 giếng, nguồn KP: từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	MUNK	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	31.350.000	13.167.000	1	31.350.000	13.167.000				
222	Máy vi tính (Màn hình Dell + CPU)	MVT26	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.444.000		1	15.444.000					
223	Máy vi tính (Màn hình LG + CPU Master)	MVT29	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.115.000		1	19.115.000					
224	Máy X-Quang kỹ thuật số (máy vi tính + bộ xử lý ảnh + máy in phim + UPS + Bộ đọc phim)	MXQKTS	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	2.393.973.570		1	2.393.973.570					
225	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động (Model: Stafax 3300, hiệu: Awareness, nước sx: Mỹ)	MXNSHB TD1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	124.900.000		1	124.900.000					
226	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động (Monarch - 240 - Anh)	MXNSHB TD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	789.600.000		1	789.600.000					
227	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động BA88A	MXNSHB TD2	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	145.970.000		1	145.970.000					
228	Máy đếm khuẩn lạc	MDKL	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	52.310.823		1	52.310.823					
229	Máy đếm khuẩn lạc (8500 - FUNKER)	MDKL1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	18.500.000		1	18.500.000					
230	Máy đo áp suất khí quyển (Khí áp kế) PCE - THB40	MDASKQ	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.000.000		1	15.000.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
231	Máy đo bức xạ nhiệt (QT 34/Quest 3M)	MDBXN	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	143.000.000		1	143.000.000					
232	Máy đo bức xạ nhiệt 101 KBM (VKH)	MDBXN1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	47.724.200		1	47.724.200					
233	Máy đo bụi hô hấp (HAZ - DUTS I/SKC) máy + linh kiện	MDBHH	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	293.700.000		1	293.700.000					
234	Máy đo bụi Miro Duct Pro	MDB	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	163.000.000		1	163.000.000					
235	Máy đo chỉ số khúc xạ	MDCSKX	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	63.462.584		1	63.462.584					
236	Máy đo chỉ số khúc xạ	MDCSKX 1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	62.683.556		1	62.683.556					
237	Máy đo clo dư cầm tay - Model: DR300 - Hãng: HACH - Nước sản xuất: Trung Quốc - Dự án hỗ trợ: WHO gồm máy tính, vali đựng máy, Cell đo, pin, hướng dẫn sử dụng	MDCD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.018.000	5.887.560	1	14.018.000	5.887.560				
238	Máy đo CO2	MDCO2	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	18.040.000		1	18.040.000					
239	Máy đo cường độ ánh sáng (DB 200/KIMO)	MDCDAS	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	62.700.000		1	62.700.000					
240	Máy đo Hemoglobin	MDHMGL B	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.120.000		1	16.120.000					
241	Máy đo khí độc cầm tay MX2100 OLDHAM	MDKDCT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	112.506.083		1	112.506.083					
242	Máy đo liều phóng xạ	MDLPX	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	42.000.000		1	42.000.000					
243	Máy đo lực bóp tay (GRIP - D/TAKEI)	MDLBT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	18.700.000		1	18.700.000					
244	Máy đo nhiệt độ độ ẩm (96001-90 Cole Parmer)	MDNDDA	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	24.200.000		1	24.200.000					
245	Máy đo PH (B24620)	MDPH	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	39.630.522		1	39.630.522					
246	Máy đo PH (B24649)	MDPH1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	39.630.522		1	39.630.522					
247	Máy đo tốc độ gió (PCE 007/PCE Group)	MDTDG	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	39.600.000		1	39.600.000					
248	Máy đo điện từ trường	MDDTT	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	25.000.000		1	25.000.000					
249	Máy đo độ ồn (DB 200/KIMO) seri 12120317	MDDO	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	88.000.000		1	88.000.000					
250	Máy đo độ ồn giải tần và ồn chung QUEST 2900 - USA	MDDOGT OC	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	48.199.948		1	48.199.948					
251	Máy đo độ rung (VM 3004SI IMV)	MDDR	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	63.348.502		1	63.348.502					
252	Máy đo độ rung (VT 204/PCE Group)	MDDR1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	82.500.000		1	82.500.000					
253	Máy đo độ đục Aqualytic	MDDD1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	29.628.532		1	29.628.532					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
254	Máy đo độ đục cầm tay - Model: 2100Q - Hãng: HACH - Nước sản xuất: Trung Quốc - Dự án hỗ trợ: WHO gồm máy chính, 4pin AA, vaili đựng máy	MDDDCCT	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	37.384.000	15.701.280	1	37.384.000	15.701.280				
255	Máy đo độ đục HACH	MDDD	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	27.000.000		1	27.000.000					
256	Micropipette (1 bộ 3 cái)	M2	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	23.100.000		1	23.100.000					
257	Nồi hấp ướ (CL-32L)	NHU2	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	84.328.007		1	84.328.007					
258	Nồi hấp ướ Autolave SS - 325 Tomy	NHU	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.000.000		1	12.000.000					
259	Nồi hấp ướ Autolave SS - 325 Tomy	NHU1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.000.000		1	12.000.000					
260	Nồi hấp điện 48 lít	NHD	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	159.817.914		1	159.817.914					
261	Nồi hấp điện 50-70 lít	NHD1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	199.772.393		1	199.772.393					
262	Nồi nung cách thủy	NNCT	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	17.320.461		1	17.320.461					
263	Pipetman đa kênh P5 - 50 microlit (M8 - 50)	PPM	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	52.335.211		1	52.335.211					
264	Pipetman đa kênh P5 - 50 microlit (M8 - 50)	PPM1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	52.335.211		1	52.335.211					
265	Quả cân chuẩn E2	QCC	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	23.421.200		1	23.421.200					
266	Quang phổ tử ngoại khả biến (U-2900)	QTNKB	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	289.054.557		1	289.054.557					
267	Thiết bị lấy mẫu khí, mẫu bụi cá nhân Bao gồm: + Bộ lấy mẫu khí + Bộ dụng cụ lấy bụi toàn phần và hô hấp Model: FLOS Hãng sản xuất: Mega System - Ý Xuất xứ: Máy chính (Bơm lấy mẫu): Ý , Nguồn KP đặc thù BNN	LMK+MB	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	138.132.000	88.799.142	1	138.132.000	88.799.142				
268	Thiết bị phân tích nước Horiba	TBPTN	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	73.033.390		1	73.033.390					
269	Thiết bị rửa dụng cụ bằng siêu âm	TBRDCBS A	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	78.278.200		1	78.278.200					
270	Thiết bị đo Clo dư trong nước	TBDCDT N	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	75.109.275		1	75.109.275					
271	Tủ ẩm	TA	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	81.316.720		1	81.316.720					
272	Tủ ẩm	TA1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	81.316.720		1	81.316.720					
273	Tủ ẩm lạnh (ủ 28 0C)	TAL	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	70.000.000		1	70.000.000					
274	Tủ an toàn sinh học	TATSH1	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	88.815.000		1	88.815.000					
275	Tủ an toàn sinh học cấp 2	TATSH	Khoa Xét nghiệm - CDHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	146.191.754		1	146.191.754					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
276	Tủ an toàn sinh học cấp 2	TATSHCH	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	171.408.668		1	171.408.668					
277	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (Model: SC2-4E1, hãng sx: Esco/Singapore, xuất xứ: Indonesia)	TATSHCH 01	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	400.000.000		1	400.000.000					
278	Tủ bảo ôn 2 - 8 0C, 60L (LR - 207)	TBO	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	39.810.545		1	39.810.545					
279	Tủ hot + Hệ thống hút khí	TH+HTHK	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	31.500.819		1	31.500.819					
280	Tủ hút khí độc	THKD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	55.573.398		1	55.573.398					
281	Tủ lạnh âm sâu 30 độ	TL12	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	75.732.845		1	75.732.845					
282	Tủ lạnh cửa kính bảo quản chế phẩm sinh học	TL13	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	36.199.064		1	36.199.064					
283	Tủ lạnh cửa kính bảo quản chế phẩm sinh học	TL14	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	36.199.064		1	36.199.064					
284	Tủ lạnh MDF - 136	TL10	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	29.000.000		1	29.000.000					
285	Tủ lạnh TCW	TL11	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	41.550.709		1	41.550.709					
286	Tủ nuôi cấy vi sinh, CO2	TNCVS	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	179.000.000		1	179.000.000					
287	Tủ sấy	TS	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	52.304.712		1	52.304.712					
288	Tủ sấy khô (100 - 140 0C)	TSK	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	52.304.712		1	52.304.712					
289	Tủ sấy lớn	TSL	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	83.703.628		1	83.703.628					
290	Tủ sấy điện 250 0C, 110 lít (YCO - 010)	TSD	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	65.000.000		1	65.000.000					
291	Tủ sấy điện từ 32 lít	TS1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	24.300.000		1	24.300.000					
292	Tủ đựng môi trường nuôi cấy vi sinh (tủ sắt 2 cửa kính kéo)	TDMTNC VS	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.873.305		1	16.873.305					
293	Tủ đựng vật liệu hóa chất độc hại	TDVLHC DH	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	29.784.040		1	29.784.040					
294	Tủ đựng vật liệu hóa chất độc hại	TDVLHC DH1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	29.784.040		1	29.784.040					
295	Vòi sen cấp cứu + vòi sen rửa mắt cấp cứu	VSCC + VSRMCC	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	17.298.695		1	17.298.695					
296	Vòi sen cấp cứu + vòi sen rửa mắt cấp cứu	VSCC + VSRMCC1	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	17.298.695		1	17.298.695					
297	Vòi sen cấp cứu + vòi sen rửa mắt cấp cứu	VSCC+VS RMCC	Khoa Xét nghiệm - CĐHA - TDCN (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	17.298.695		1	17.298.695					
298	Bộ khám ngũ quan	BKNQ	Khoa SKMT - YTTH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.400.000		1	12.400.000					
299	Máy vi tính (màn hình Sam Sung + CPU Asus)	MVT27	Khoa SKMT - YTTH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	19.115.000		1	19.115.000					
300	Máy vi tính (Màn hình ^OC + CPU Asus + loa)	MVT28	Khoa SKMT - YTTH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.500.000		1	15.500.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
301	Máy đo thính lực MA30 - 0123788 (DAYTDP)	MDTL	Khoa SKMT - YTTH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	95.362.163		1	95.362.163					
302	Máy đo điện tim 6 kênh	MDDT	Khoa SKMT - YTTH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	30.000.000		1	30.000.000					
303	Tủ đựng dụng cụ phòng kho	TDDCPK	Khoa SKMT - YTTH (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	10.228.816		1	10.228.816					
304	Bộ dụng cụ điều tra bộ gây	BCDTBG	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.700.000		1	15.700.000					
305	Bộ dụng cụ điều tra bộ gây	BDCDTB G	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.700.000		1	15.700.000					
306	Bộ dụng cụ điều tra bộ gây	BDCDTB G1	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.700.000		1	15.700.000					
307	Kính hiển vi OlymPus 2 mắt, nguồn vốn: TW cấp hiện vật	KHVS R1	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.000.000		1	16.000.000					
308	Kính hiển vi OlymPus 2 mắt, nguồn vốn: TW cấp hiện vật	KHVS R2	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.401.891		1	16.401.891					
309	Kính hiển vi OlymPus 2 mắt, nguồn vốn: TW cấp hiện vật	KHVS R4	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	31.600.000		1	31.600.000					
310	Máy phun thuốc STIHL SR 420, sản phẩm của Đức, nước SX: Brazil: 12.900.000 đồng/cái + Bộ vòi phun ULV: 1.100.000 đồng/bộ (đơn giá: 14.000.000 đồng/bộ)	MPT+BVP	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	14.000.000	4.200.000	1	14.000.000	4.200.000				
311	Máy phun thuốc STIHL SR420 (Nguồn CTMT SXH năm 2018)	MP45	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	15.900.000		1	15.900.000					
312	Máy vi tính để bàn Dell, nguồn vốn: Dự án OxRu	MVTS R4	Khoa Ký Sinh Trùng - Côn Trùng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.990.000		1	11.990.000					
313	Máy lạnh 9000 BTU Retech	ML	Phòng P. Giám Đốc Hằng (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.078.000		1	12.078.000					
314	Kệ ly tách phòng kho	KLTPK	Hội trường cơ sở 1 (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.715.964		1	11.715.964					
315	Tivi Sony	TV1	Hội trường cơ sở 1 (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	13.750.000		1	13.750.000					
316	Tivi Toshiba	TV01	Hội trường cơ sở 1 (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.850.000		1	16.850.000					
317	Bộ khám ngũ quan	BKNQ1	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.400.000		1	12.400.000					
318	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU'-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-00	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
319	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU'-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-01	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
320	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU'-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-02	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
321	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU'-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-03	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
322	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU'-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-04	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
323	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU'-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-05	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
324	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU'-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-06	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
325	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-07	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
326	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-08	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
327	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-09	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
328	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-10	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
329	Hòm lạnh (RCW25-24IP BL-53PQS VE 16) Do JICA viện trợ không hoàn lại, theo Quyết định số: 5379/QĐ-BYT, 23/11/2021; CV số: 2814/VSDTTU-TCQG, 03/12/2021 - Nguồn do cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) viện trợ không hoàn lại;	HL-JICA-11	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.180.844		1	11.180.844					
330	Hộp giữ lạnh RCW25	HGL1	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	12.583.176		1	12.583.176					
331	Kết sắt bảo mật đựng thuốc Methadone lớn	KS	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	13.980.000		1	13.980.000					
332	Máy phun Mdel SR 420	MP	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	51.198.000		1	51.198.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
333	Máy vi tính xách tay AUS VIVOBOK X202E - CTOO8H	MVXTXT08	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	11.310.000		1	11.310.000					
334	TỦ LẠNH BAO QUẢN VẮC-XIN, Nhân hiệu: B Medical Sytems, Model: TCW 80AC, Sản xuất: Luxembourg, Do UNICEF tài trợ	TLBQVX	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	74.373.678		1	74.373.678					
335	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin, Mode: TCW 4000 AC, HSX: B Mediacal Systems, Xuất xứ Luxembourg (do Liên minh toàn cầu về vắc xin và tiêm chủng (GAVI) tài trợ, số Serial: 0081118	TLCDTC W 4007 AC	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	127.100.000		1	127.100.000					
336	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin, Mode: TCW 4000 AC, HSX: B Mediacal Systems, Xuất xứ Luxembourg (do Liên minh toàn cầu về vắc xin và tiêm chủng (GAVI) tài trợ, số Serial: 0081121	TLCDTC W 4004 AC	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	127.100.000		1	127.100.000					
337	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin, Mode: TCW 4000 AC, HSX: B Mediacal Systems, Xuất xứ Luxembourg (do Liên minh toàn cầu về vắc xin và tiêm chủng (GAVI) tài trợ, số Serial: 0081122	TLCDTC W 4006 AC	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	127.100.000		1	127.100.000					
338	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin, Mode: TCW 4000 AC, HSX: B Mediacal Systems, Xuất xứ Luxembourg (do Liên minh toàn cầu về vắc xin và tiêm chủng (GAVI) tài trợ, số Serial: 0081130	TLCDTC W 4001 AC	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	127.100.000		1	127.100.000					
339	Tủ lạnh TCW 3000	TL	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	44.723.924		1	44.723.924					
340	Tủ lạnh TCW 3000	TL1	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	37.237.364		1	37.237.364					
341	Tủ lạnh TCW 3000	TL2	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	44.723.924		1	44.723.924					
342	Tủ lạnh TCW 3000	TL3	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	106.835.000		1	106.835.000					
343	Tủ lạnh TCW 3000AC	TL4	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	119.265.000		1	119.265.000					
344	Tủ lạnh TCW 3000AC	TL5	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	119.265.000		1	119.265.000					
345	Tủ lạnh TFW800	TL8	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	116.500.000		1	116.500.000					
346	Tủ lưu mẫu TCW3000	TLM	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	106.835.000		1	106.835.000					
347	Tủ đá TFW800	TL7	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	46.406.558		1	46.406.558					
348	TỦ ĐÔNG BẢO QUẢN VẮC XIN VÀ BÌNH TÍCH LẠNH Vaccine and Icepack Freezer Nhà sản xuất: A/S Vestforst Đan Mạch Manufacturer: A/S Vestforst Denmark Model: MF314 Serial number: 20213662043	TDBQVX TL	Khoa Dược - VTYT (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	18.282.754		1	18.282.754					
349	Máy siêu âm + đầu dò 3.5	MSA + DD	Phòng khám đa khoa (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	208.500.000		1	208.500.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
350	Máy siêu âm màu (Máy vi tính + máy in)	MSAM	Phòng khám đa khoa (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	696.500.000		1	696.500.000					
351	Máy siêu âm màu Doppler kỹ thuật số (Moodel: Logiq - V3, hãng sx, GE Healthcare/Mỹ) (máy vi tính + máy in)	MSAM1	Phòng khám đa khoa (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	1.432.192.615		1	1.432.192.615					
352	Mô hình trẻ sơ sinh	MH	Khoa Sức khỏe sinh sản (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.863.301		1	16.863.301					
353	Mô hình trẻ sơ sinh	MHSS	Khoa Sức khỏe sinh sản (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	16.863.301		1	16.863.301					
354	Mô hình đào tạo thực hành hồi sức TSS	MH1	Khoa Sức khỏe sinh sản (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	59.955.000		1	59.955.000					
355	Đầu dò siêu âm 7.5	DDSA	Phòng khám đa khoa (Cs2), 47 Lê Hồng Phong	1	20.000.000		1	20.000.000					
	Cộng			355	86.669.532.548	35.418.971.338	355	86.593.721.548	35.418.971.338				